

Góp một vài ý kiến

VỀ XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA MỘT VIỆN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC (*)

HOÀNG THỦY NGUYỄN



NHỮNG người làm công tác khoa học và kỹ thuật không thể không quan tâm tới cơ quan nghiên cứu, nơi mình đang làm việc. Chính vì thế mà đứng trước tình hình và nhiệm vụ mới hiện nay, có những vấn đề thật căn bản và cấp thiết có liên quan tới sự phát triển của khoa học và kỹ thuật cần được trao đổi và thảo luận một cách thẳng thắn và trung thực, nhằm cùng nhau rút ra những kinh nghiệm cho công việc thực tế hàng ngày.

Hội nghị các cơ quan nghiên cứu khoa học kỹ thuật do Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước triệu tập đã tạo điều kiện cho chúng tôi, những người phụ trách các viện khoa học và kỹ thuật, có dịp hiểu biết công việc của nhau và đề cập tới những vấn đề ít hay nhiều đã được nêu lên trong bản báo

cáo của Vụ Tổng hợp (Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước).

Trên thực tiễn xây dựng và hoạt động nghiên cứu khoa học từ hai mươi năm nay của Viện Vệ sinh dịch tễ học, chúng tôi xin phép trình bày một số ý kiến dưới đây.

CHỨC NĂNG VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NGHIÊN CỨU.

Đó là vấn đề cơ bản để hình thành một viện, để xây dựng và phát triển viện đó, nhằm thực hiện các nhiệm vụ, với trình độ khoa học-kỹ thuật ngày một được nâng cao. Thật sự vấn đề này là một vấn đề không dễ giải quyết; sở dĩ chúng tôi nói như vậy, vì rằng trong một thời gian khá lâu dài, viện chúng tôi, hoạt động như một Trạm vệ sinh phòng dịch trung ương, hay ít nhất cũng là phần lớn của Viện chúng tôi, và hiện nay chúng tôi đang phấn đấu để trở thành một viện nghiên cứu khoa học với đúng chức năng và vị trí quốc gia của nó. Sự chuyển biến này được thể hiện ở nhiều mặt và dưới nhiều khía cạnh khác nhau, tuy rằng không bao giờ được quên là chúng ta đang còn ở trong giai đoạn đầu của việc xây dựng nền tảng cho một nền khoa học-kỹ thuật Việt Nam hiện đại. Rất có thể chúng ta có nhiều viện ở những mức độ khác nhau và thực tiễn khách quan là như vậy, nhưng cũng cần phải xây dựng những tiêu chuẩn tối thiểu và trước tiên là xác định cho được chức năng và phương hướng nghiên cứu, một điều mà hiện nay chúng ta chưa làm được tốt.

Việc xác định chức năng và phương hướng nghiên cứu có liên quan tới cơ cấu tổ chức của viện. Mỗi liên quan này chịn tác động của nhiều yếu tố khách quan và chủ quan :

(*) Tham luận tại Hội nghị các cơ quan nghiên cứu khoa học kỹ thuật, Hà Nội, tháng 9-1978.

— Bản thân sự phát triển của viện, bao gồm cả đội ngũ cán bộ, cơ sở và trang thiết bị ;

— Sự tiến bộ và phát triển cũng như xu thế của khoa học và kỹ thuật thế giới ;

— Yêu cầu của Nhà nước trên cơ sở của những kế hoạch dài hạn và ngắn hạn.

Chính vì vậy mà chức năng và phương hướng nghiên cứu của một viện không nhất thiết là cố định. Thường kỳ hay có khi bất thường phải xác định lại hay điều chỉnh chức năng và phương hướng nghiên cứu. Cũng chính từ đó sẽ dẫn tới việc xếp sắp lại tổ chức cho phù hợp, như việc tập trung một số phòng thí nghiệm hoặc viện nghiên cứu lại, hay như việc tách hoặc bỏ bớt một phần. Đội ngũ cán bộ cũng sẽ được điều chỉnh và bổ túc lại, nếu xét thấy cần thiết.

Những điều chúng tôi vừa trình bày trên đây, trong thực tế, đang được chúng tôi thực hiện trong việc điều chỉnh các chức năng của Viện Vệ sinh dịch tễ học, Viện Pasteur thành phố Hồ Chí Minh, Viện Vệ sinh thành phố Hồ Chí Minh, Viện Pasteur Đà Lạt, Viện Pasteur Nha Trang và Viện Vệ sinh phòng dịch Tây Nguyên. Một thí dụ nhỏ trong công việc làm này : việc tập trung công tác sản xuất các loại vắc xin và kháng huyết thanh vào Viện Pasteur Đà Lạt và vào một phần lớn Viện Pasteur Nha Trang trong một cơ cấu tổ chức mới hoàn chỉnh, không những cho phép đưa việc sản xuất vắc xin theo phương thức công nghiệp, mà còn tạo điều kiện cho các Viện Vệ sinh dịch tễ học, Viện Pasteur thành phố Hồ Chí Minh và Viện Pasteur Nha Trang mở rộng và đi sâu vào nghiên cứu khoa học một cách mạnh mẽ hơn trước. Sự chuyển biến về mặt xác định lại chức năng và phương hướng nghiên cứu sẽ dẫn tới một chuỗi chuyển biến dây chuyền hết sức tích cực, giúp chúng ta thoát khỏi tình trạng trì trệ, ảnh hưởng không ít tới nhịp điệu xây dựng và phát triển khoa học, tới chất lượng của công trình và công việc, nhất là nó giúp cho chúng ta khỏi ngầy một lún sâu vào một tâm trạng ngại khó khăn và đương nhiên là không hề đem lại một tiến bộ kỹ thuật nào,

NỘI DUNG NGHIÊN CỨU : NGHIÊN CỨU CƠ BẢN VÀ NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG

Kinh nghiệm trong mười năm trở lại đây, đã cho chúng tôi thấy một điều không có gì mới lạ, nhưng rất thiết thân : nghiên cứu ứng dụng sẽ dừng lại tại chỗ và sẽ không có tiến bộ bao nhiêu, nếu không cùng lúc đó xây dựng các phòng thí nghiệm khoa học cơ bản. Cần phải nói cho rõ và phân biệt một cách chính xác giữa việc nghiên cứu cơ bản

trong một viện nghiên cứu khoa học chuyên ngành với việc nghiên cứu cơ bản trong một viện nghiên cứu khoa học cơ bản. Cũng có thể nói như thế đối với nghiên cứu ứng dụng. Lịch sử phát triển của khoa học thế giới đã cho chúng ta thấy như vậy. Khoa học Việt Nam ngày nay được xây dựng và phát triển trong điều kiện mà khoa học và kỹ thuật đã có những thành tựu hết sức to lớn và cụ thể ; đó là một điều kiện hết sức thuận lợi cho chúng ta. Cũng chính điều kiện thuận lợi này đã cho phép những viện nghiên cứu khoa học chuyên ngành xây dựng được các phòng thí nghiệm khoa học cơ bản một cách tương đối ít tốn kém, đồng thời dẫn tới những kết quả với hiệu quả lớn gấp bội.

Việc nghiên cứu cơ bản phục vụ cho những nghiên cứu ứng dụng tạo ra một cái thế cho các viện chuyên ngành đạt được những công trình nghiên cứu ứng dụng ở một trình độ khoa học tương đối cao, với những kết quả đáng tin cậy, và sau đó, tùy theo mức độ của mỗi viện, sẽ dần dần bắt đầu có những công trình có tính chất cơ bản, những loại công trình chuyên sâu mà các viện nghiên cứu khoa học cơ bản không đề cập tới, trong khi đang còn phải chú trọng tới những đề tài có tính chất chung và phổ biến hơn cho mọi lĩnh vực khoa học.

Riêng đối với Việt Nam, đề cập tới nội dung nghiên cứu khoa học ở góc độ này, còn có một tác dụng có lợi là tạo điều kiện cho các cán bộ khoa học kỹ thuật của các ngành có được một trình độ khoa học cơ bản mà họ đang thiếu.

CÁC ĐIỀU KIỆN VÀ BIỆN PHÁP DÀNH CHO NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Hiện nay chúng ta quản lý nghiên cứu khoa học theo lối hành chính bao cấp. Cần phải thay đổi chế độ quản lý đó, để thực hiện một chế độ quản lý trên cơ sở kinh tế, lấy tính hiệu quả làm mục tiêu phấn đấu. Chỉ có thật sự đứng trên quan điểm đó, sử dụng một cách mạnh dạn các cán bộ được đào tạo về quản lý kinh tế trong các viện nghiên cứu thì mới có thể loại bỏ được những cái gì thừa, những cái gì gây trở ngại và như vậy mới có tiến bộ khoa học — kỹ thuật.

Những vấn đề đã được nêu lên trong báo cáo của Vụ Tổng hợp, (Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước) là những vấn đề chung mà chúng tôi đồng ý. Chúng tôi chỉ xin phép nhấn mạnh thêm tới những điểm dưới đây và nêu rõ ít nhiều nội dung, tới viện chúng tôi thì không ngoài mục đích lấy đó làm một thí dụ mà chúng tôi được biết rõ.



Cán bộ kỹ thuật Viện Vệ sinh dịch tễ học soi tiêu bản
tại phòng thí nghiệm băng kính hiển vi điện tử.

Ảnh: TRẦN TUẤN (TTXVN)

1. Tò chừc: Một điền kiện thuận lợi của hệ thống các viện chúng tôi là nó gắn liền với mạng lưới các trạm ở tuyến tỉnh, thành phố và huyện, hệ thống đó là:

- + 1 viện quốc gia và 4 viện khu vực;
- + 38 trạm tỉnh và thành phố;
- + Khoảng 500 trạm huyện.

Viện Vệ sinh dịch tễ học, trước đây là Viện Pasteur Hà Nội, được phía Pháp trao lại cho chúng ta năm 1957 với một đội ngũ kỹ, thuật sơ cấp (không có người tốt nghiệp đại học) và các phòng thí nghiệm gần như trống rỗng và sơ sài. Các Viện Pasteur miền Nam, sau ngày giải phóng năm 1975, ngoại trừ một vài phòng thí nghiệm, còn đều ở một trạng thái khá lạc hậu về trang thiết bị.

Việc xây dựng lại các viện nói trên là một công việc khó khăn nhưng cần thiết. Bên cạnh các Viện Pasteur miền Nam và Viện Vệ sinh phòng bệnh Tây Nguyên mới thành lập sau ngày giải phóng, Viện Vệ sinh dịch tễ học có một quá trình phát triển và củng cố lâu dài hơn, đặc biệt trong vòng mười năm trở lại đây, và nhất là trong 2 năm nay, nhịp điệu phát triển tăng lên rất nhiều so với thời gian trước. Nhìn chung, sự phát triển của các viện này chủ yếu dựa vào sự cố gắng của đội ngũ

cán bộ và sự tận dụng đến mức cao nhất việc hợp tác quốc tế.

Các trạm tỉnh và thành phố trong cả nước, có nơi đã xây dựng xong và đang triển khai công việc, có nơi đang xây dựng lại và bổ sung đội ngũ cán bộ. Các trạm huyện đang được xây dựng tiếp theo sau đó, và tất cả, về bản thân, sẽ được hoàn thành trong kế hoạch 5 năm lần này. Các phòng thí nghiệm và trang thiết bị đều chuẩn và đồng nhất cho từng tuyến; diện tích các phòng thí nghiệm tuyến tỉnh khoảng 1000m² và tuyến huyện là 100m². Chúng tôi nghĩ rằng các ngành, trong những điều kiện cần thiết, có thể yêu cầu sự phục vụ của các phòng thí nghiệm của hai tuyến này.

Chúng tôi đã xin phép nêu thí dụ về một cơ cấu tổ chức nối liền các viện quốc gia và khu vực với mạng lưới các trạm ở tỉnh, thành phố và huyện để nói lên một phương thức đảm bảo mối liên hệ chặt chẽ giữa phòng thí nghiệm và thực địa, giữa nghiên cứu và ứng dụng, giữa lý luận và thực tiễn.

Còn một khía cạnh nữa trong phạm vi tổ chức, đó là sự điều hòa, phối hợp, kể cả việc sử dụng chung một cơ quan nghiên cứu cho nhiều ngành, nhất là ở tuyến dưới, trong

giai đoạn đầu của việc xây dựng khoa học ở nước ta.

2. Bồi dưỡng liên tục đội ngũ cán bộ :

Đối với chúng ta, việc làm này là một công việc trước mắt và lâu dài. Nhiệm vụ mới, trang thiết bị mới, kỹ thuật mới đòi hỏi phải bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ trẻ, một cách có hệ thống, liên tục và không tiếc sức mình. Nó quyết định kết quả và chất lượng của mọi đề tài nghiên cứu ở tất cả mọi cấp. Phải tổ chức mạnh mẽ và có quản lý tốt :

- + việc học ngoại ngữ có hiệu quả ;
- + các lớp chuyên đề với thầy trong nước và thầy mời ở nước ngoài ;
- + gửi cán bộ đi học thêm ở trong nước và ngoài nước ;
- + tranh thủ gửi đi dự các hội nghị và hội thảo khoa học ở nước ngoài càng nhiều càng tốt ;
- + các hội thảo chuyên đề trong nước có chất lượng khá cao để chuẩn bị cho việc tổ chức các hội thảo với sự tham gia của các đại biểu nước ngoài.

Khoa học kỹ thuật phát triển cùng với đội ngũ cán bộ khoa học và kỹ thuật. Nói như thế cũng có nghĩa là thế hệ sau sẽ ngày một mạnh cả về số lượng lẫn chất lượng. Chúng ta có thể đẩy nhanh tốc độ phát triển này bằng cách tác động vào nhiều khâu khác nhau. Đối với chúng tôi, khâu yếu nhất hiện nay là hàng ngũ những người có đủ khả năng chỉ đạo đội ngũ cán bộ trẻ nghiên cứu khoa học và đẩy nhanh tiến bộ kỹ thuật. Đó là những người mà chúng ta quen gọi là *cán bộ đầu đàn*. Có nhiều cách khác nhau để khắc phục tình trạng này, nhưng có lẽ có hiệu quả lâu dài nhất vẫn là quyết tâm chăm nom cán bộ trẻ, chọn lựa trong họ những người có khả năng nhất và có đủ tiêu chuẩn nhất để từng bước một giao cho họ những công trình nghiên cứu khó hơn và tạo điều kiện cho họ làm việc thêm trong những phòng thí nghiệm ở nước ngoài từng thời gian hoặc, nếu cần thiết trong những khoảng thời gian tương đối dài.

3. Hợp tác quốc tế : Bản thân hoạt động khoa học đã yêu cầu một sự phối hợp hết sức rộng rãi và chặt chẽ giữa những người nghiên cứu và các phòng thí nghiệm. Nó cũng đòi hỏi những tư liệu và thông tin cần thiết đến được kịp thời, chưa kể những mẫu vật, sinh phẩm thường có thể được trao đổi qua lại giữa không những các phòng thí nghiệm trong một nước mà cả với nước ngoài.

Vì vậy mà một viện khoa học, dù là nhỏ nhất, nếu không có được hợp tác khoa học quốc tế, thì sẽ ở một tình trạng rất bó hẹp

và khó mà có thể làm tròn nhiệm vụ nghiên cứu của mình.

Sự hợp tác quốc tế cần được chọn lựa, tùy theo mục tiêu và nội dung của những đề tài và mặt khác, cũng phải xem xét rất kỹ những đề tài được đưa ra để cùng hợp tác nghiên cứu với những phòng thí nghiệm ở các viện tương đương của những nước khác. Ngoài những tiêu chuẩn chung, trong giai đoạn đầu chúng ta cần chú ý đến những đề tài hợp tác có tính chất mẫu chốt, nó là chỗ gặp nhau của nhiều lĩnh vực khoa học nhỏ, để từ đó chúng ta sẽ có dịp sau này phát triển và mở rộng sự hợp tác.

Hợp tác khoa học quốc tế có thể mang lại cho chúng ta :

- + kiến thức và kinh nghiệm, mà ta đang thiếu, nhất là những kỹ thuật cơ bản ;
- + trang thiết bị, hóa chất, sinh phẩm, mẫu chuẩn hay tư liệu cần thiết ;
- + đào tạo cán bộ ở ngay phòng thí nghiệm của chúng ta hoặc ở viện mà mình có quan hệ hợp tác.

Nhưng, mục tiêu cuối cùng vẫn phải là cùng nhau phối hợp nghiên cứu một đề tài chung.

Hợp tác khoa học quốc tế còn dẫn tới việc thúc đẩy nhanh chóng hoạt động của các phòng thí nghiệm của chúng ta, khi chúng ta để cho những người nghiên cứu khoa học của bên ngoài làm việc trong phòng thí nghiệm của mình. Một không khí hoạt động khoa học sôi nổi và có nề nếp sẽ mau chóng được hình thành ở những cơ sở chưa có hoặc còn ít truyền thống.

4. Trường đại học và viện nghiên cứu :

Cũng phải nhắc lại việc cần thiết coi các cán bộ giảng dạy ở các trường đại học phải là những người nghiên cứu khoa học. Họ phải có những điều kiện làm việc đủ cho một hoạt động nghiên cứu khoa học, hoặc nếu không, phải dành thì giờ cho họ làm việc ở một cơ quan nghiên cứu, vì chính chủ yếu trên cơ sở của những công trình nghiên cứu của mình mà người thầy giảng bài cho sinh viên.

Ngược lại cũng vậy, những người nghiên cứu khoa học ở các viện phải tham gia giảng dạy một phần ở các trường đại học. Kết hợp hai công việc này lại chỉ có ích lợi cho cả hai phía, nhất là trong điều kiện ở nước ta hiện nay, đội ngũ thầy dạy còn thiếu và yếu, cơ sở và trang thiết bị ở nhiều nơi còn quá sơ sài.

Trường đại học và viện nghiên cứu khoa học phải là hai nơi mở rộng cửa cho mọi người làm khoa học, yêu khoa học, có khả năng giảng dạy và coi trọng việc đào tạo và bồi dưỡng những thế hệ trẻ kế tục sự nghiệp

của mình. Hiện nay chúng ta chưa đến nỗi có một sự ngăn cách lớn, nhưng do sự phát triển của nghiên cứu khoa học kỹ thuật đến sau, cho nên trong thực tế chúng ta đã không ý thức được mối liên hệ này một cách đầy đủ, toàn diện và đặc biệt là không biết tổ chức tốt để có được mối liên hệ hữu cơ hết sức chặt chẽ này.

Nói gọn lại, nghiên cứu khoa học của chúng ta đang được hình thành và phát triển; trong tương lai, nhu cầu của đời sống, sản

xuất và quốc phòng sẽ thúc đẩy sự phát triển này tiến lên theo một tốc độ khác nhanh hơn. Cũng chính vì thế mà chúng ta cần phải có một quy chế rõ ràng nhưng linh hoạt.

Quy chế tổ chức và hoạt động chung cho các cơ quan nghiên cứu khoa học và kỹ thuật sẽ được cụ thể hóa cho từng viện, kể cả việc ấn định một nhiệm kỳ cho những người phụ trách viện và thể thức cùng với tiêu chuẩn cử họ.

Chúng tôi tin tưởng rằng trong thời gian tới, Nhà nước ta sẽ có những biện pháp cụ thể và có hiệu quả.

VỀ CHƯƠNG TRÌNH TIẾN BỘ KHOA HỌC—KỸ THUẬT...

(Tiếp theo trang 4)

toàn bộ công tác khoa học — kỹ thuật ở hợp tác xã. Tiểu ban khoa học — kỹ thuật chịu trách nhiệm về phong trào cải tiến kỹ thuật trong hợp tác xã và được giao quyền hạn để thúc đẩy phong trào này tiến tới. Trước mỗi vụ sản xuất, mỗi kỳ kế hoạch, tiểu ban khoa học — kỹ thuật cần xây dựng quy trình kỹ thuật cụ thể đối với mỗi đối tượng sản xuất dưới sự hướng dẫn của cơ quan kỹ thuật cấp trên, có kết hợp chặt chẽ với điều kiện và kinh nghiệm sản xuất của mỗi cơ sở. Sau khi được Ban quản trị hợp tác xã thông qua, quy trình kỹ thuật sẽ giao cho tiểu ban khoa học — kỹ thuật của hợp tác xã tiến hành và quản lý. Với tổ chức thích hợp, đội phó phụ trách kỹ thuật của mỗi đội sản xuất đồng thời là ủy viên của tiểu ban khoa học — kỹ thuật, tổ chức này sẽ có đủ khả năng và quyền hạn để hướng dẫn kỹ thuật tới từng đội sản xuất, tới xã viên, và sẽ kiểm tra việc thực hiện mọi khâu sản xuất theo đúng quy trình và tiêu chuẩn kỹ thuật đã được quy định, với chế độ nghiêm thu công việc làm và kỹ thuật đã áp dụng nghiêm túc. Cùng với nhiệm vụ quản lý việc chấp hành các quy trình và tiêu chuẩn kỹ thuật trong sản xuất, tiểu ban khoa học — kỹ thuật của hợp tác xã cần quản lý các tổ chức kỹ thuật khác của cơ sở (tổ thú y, tổ bảo vệ thực vật, tổ thủy nông, đội giống) và trực tiếp phụ trách việc thực nghiệm kỹ thuật để rút kinh nghiệm; xây dựng những biện pháp kỹ thuật sát với điều kiện cụ thể của địa phương.

Một chương trình tiến bộ khoa học — kỹ thuật nông nghiệp cuối cùng phải được thực hiện phần lớn ở các cơ sở sản xuất và muốn vậy phải được thể hiện cụ thể thành những

chương trình tiến bộ khoa học — kỹ thuật, thành những quy trình kỹ thuật, thành những đề tài thực nghiệm kỹ thuật sẽ tiến hành ở cơ sở sản xuất. Vì vậy mà chỉ đạo kỹ thuật nông nghiệp theo chương trình tiến bộ khoa học — kỹ thuật phải gắn liền với quản lý kỹ thuật, với việc xây dựng tổ chức khoa học — kỹ thuật ở cơ sở có khả năng và trách nhiệm quản lý kỹ thuật ở mỗi đơn vị sản xuất. Trong bước đầu kinh nghiệm chưa nhiều, nói chung nông nghiệp cũng không nên ham để ra nhiều chương trình quá, sẽ không có điều kiện chỉ đạo thực hiện một cách sâu sát và thường xuyên. Nên tập trung xây dựng một số chương trình trọng điểm, đáp ứng các chủ trương sản xuất chủ yếu của tỉnh, của địa phương và tập trung lực lượng, phối hợp với một số ngành khác trong tỉnh để chỉ đạo thực hiện bằng được, và rút kinh nghiệm để sẽ triển khai công tác ra nhiều mặt, đưa công tác chỉ đạo kỹ thuật từng bước phát triển lên trình độ toàn diện. Bao gồm mọi mặt sản xuất của địa phương, một cách thiết thực và vững chắc.

Phấn đấu xây dựng và thực hiện các chương trình tiến bộ khoa học — kỹ thuật nông nghiệp địa phương là phương hướng công tác chủ yếu của ngành nông nghiệp phối hợp với các ngành khác trên từng địa phương, nhằm thực hiện tốt các chỉ tiêu sản xuất mà các Đại hội Đảng bộ các tỉnh đã vạch ra dưới ánh sáng của Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IV và các Nghị quyết của các Hội nghị Trung ương. Đây cũng là một cách thiết thực để cải tiến công tác, cải tiến lề lối làm việc, bồi dưỡng và sử dụng tốt đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật nông nghiệp ở các địa phương.